

Bản án số: 215/2024/DS - PT

Ngày: 27/6/2024

V/v: “*Tranh chấp yêu cầu phân
chia di sản thừa kế theo di chúc*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Văn Hợp

Các Thẩm phán: ông Lê Tự

 ông Trương Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Thanh Yên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 327/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo di chúc*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1073/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh N. Địa chỉ: số A Rue Maryse G, D N, Pháp.

Đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Huỳnh Tuấn K; Địa chỉ: 2 P, N, Khánh Hòa (theo văn bản ủy quyền ngày 20/10/2017). Ông K có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị Thanh N: Luật sư Nguyễn Đình T - Văn phòng luật sư Nguyễn Đình T - Đoàn luật sư tỉnh K. Luật sư T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Văn T1. Địa chỉ: Số A B L, Phường G, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Chết ngày 08/7/2019).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Văn T1 đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Văn A, sinh năm 1958. Địa chỉ liên lạc: 305/23 N khởi nghĩa, Phường G, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà A có mặt.

2. Bà Phạm Văn H, sinh năm 1959. Địa chỉ: 1 N, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bà H: Bà Phạm Văn A; địa chỉ: 3 N khởi nghĩa, Phường G, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà A có mặt.

3. Bà Phạm Văn M, sinh năm 1961. Địa chỉ: 6 L, Phường A, quận G, Thành phố H. Bà M có mặt.

4. Bà Phạm Văn Á, sinh năm 1962. Địa chỉ: C N, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Văn Á: Bà Phạm Văn M; Địa chỉ: 6 L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền số công chứng số 021891, quyền số: 10/2022 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 15/10/2022 tại Văn phòng C3). Bà M có mặt.

5. Bà Phạm Văn M1, sinh năm 1964. Địa chỉ: 1 T, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bà M1: Bà Phạm Văn A; địa chỉ: 3 N, Phường G, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà A có mặt.

6. Bà Phạm Văn Anh T2, sinh năm 1967. Địa chỉ: A Bis L, Phường G, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T2 có mặt.

7. Ông Phạm Văn D, sinh năm 1969. Địa chỉ: E Y, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông D có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn D: Bà Phạm Văn M. Địa chỉ: 6 L, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền số công chứng số 021870, quyền số: 10/2022 TPCC. SCCHĐGD ngày 15/10/2022 tại Văn phòng C3). Bà M có mặt.

8. Bà Phạm Văn Bạch C, sinh năm 1975. Địa chỉ: A Bis L, Phường G, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Phạm Văn K1, sinh năm 1956. Địa chỉ: Residence Le Tech de M3. 3e E, Escalier B, Logement 0021,631 Avenue du Comte de N3 – 34080. Montpellier - Pháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn K1: Bà Phạm Văn M, Địa chỉ: 6 L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà M có mặt.

10. Ông Phạm Văn H1, chết năm 2012.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Văn H1:

+ Bà Phan Thị Minh N1. Địa chỉ: C T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Duy T3 (Giấy ủy quyền ngày 18/7/2023). Địa chỉ: C T, N, Khánh Hòa; ông T3 có mặt.

+ Ông Phạm Duy H2 và Ông Phạm Duy T3. Cùng địa chỉ: Tổ I thôn P, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Ông H2 ủy quyền cho ông T3 tham gia tố tụng, ông T3 có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Phạm Duy H2: Ông Lê Văn T4 - Luật sư - Văn phòng luật sư Lê Văn T4 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K. Luật sư Lê Văn T4 vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Phạm Thị Thanh H3. Địa chỉ: 02 Rue dé Roux, 94240 L' Hay Lé Roses, F; Bà H3 vắng mặt.

2/ Bà Phan Thị Minh N1. Địa chỉ: C T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Duy T3 (Giấy ủy quyền ngày 18/7/2023). Địa chỉ: C T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; ông T3 có mặt.

3/ Ông Phạm Duy H2

4/ Ông Phạm Duy T3

Cùng địa chỉ: Tổ I P, V, N, Khánh Hòa.

Ông H2 ủy quyền cho ông T3 tham gia tố tụng, ông T3 có mặt.

5/ Phạm Thị Thanh T5 (chết tháng 10/2013).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Cụ Phạm N2 và cụ Đồng Thị L có 08 người con là: Phạm Văn T1, Phạm Văn T6, Phạm Văn T7, Phạm Thị Ba T8, Phạm Thị Thanh T5, Phạm Thị Thanh H3, Phạm Thị Thanh N, Phạm Thị Nam H4. Di sản thừa kế là nhà, đất tại địa chỉ C T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Cụ N2, cụ L có lập di chúc ngày 30/6/1994 về việc phân chia di sản. Sau khi cụ N2 chết, năm 1995 cụ L có sửa lại bản di chúc phân tài sản của cụ L.

Ông Phạm Văn T1 không thực hiện việc phân chia tài sản theo di chúc nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn T1 thực hiện phân chia di sản theo di chúc. Bà N yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo bản di chúc năm 1994 và di chúc năm 1995.

Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc phân chia di sản thừa kế thì nguyên đơn có nguyện vọng được nhận tiền.

** Ý kiến của bị đơn:*

Tài sản thừa kế là nhà đất tại C T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa có nguồn gốc từ cụ Phạm N2 và cụ Đồng Thị L.

Ông Phạm Văn T1 không có ý chiếm giữ di sản thừa kế của cụ Phạm N2, cụ Đồng Thị L. Do anh em trong gia đình có người sinh sống ở nước ngoài nên việc thực hiện phân chia di sản không thực hiện được. Nay bà Phạm Thị Thanh

N khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc năm 1994 và 1995 của cụ Phạm N2 và cụ Đồng Thị L, ông T1 đồng ý.

Nếu chia di sản thừa kế thì ông Phạm Văn T1 có nguyện vọng được nhận di sản bằng tiền.

** Ý kiến của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:*

Bà Phạm Văn M: Thống nhất ý kiến với ông Phạm Văn T1 lúc còn sống là đề nghị chia di sản thừa kế là nhà và đất tại C T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Bà Phạm Văn A: Do các đương sự có cách hiểu khác nhau về nội dung di chúc; không thỏa thuận thống nhất được phần được chia nên đã xảy ra sự việc khởi kiện trên.

Tất cả người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng nguyện vọng được nhận di sản bằng tiền.

** Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà Phan Thị Minh N1: Cụ Phạm N2 lúc còn sống đã có di chúc năm 1994 và định đoạt tài sản tại 30 T, đề nghị Tòa án áp dụng theo di chúc năm 1994.

Ông Phạm Duy T3: Đối với diện tích đất tại C T: Tôi đề nghị chấp nhận và chia theo di chúc năm 1994 và đề nghị xem xét lại tính hợp pháp của di chúc năm 1995 của cụ Đồng Thị L vì thời điểm này, cụ L đã cao tuổi và hiện không nghe rõ cũng như mất bị mờ, đề nghị Tòa án xác minh lại nội dung và hiệu lực của di chúc năm 1995 này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 37, 38, 147, 153, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 611, 612, 613, 643 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh N về chia thừa kế theo di chúc của cụ ông Phạm N2 và cụ bà Đồng Thị L đối với nhà đất số C T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

1.1. Ông Nguyễn Phú C1 được nhận 16,47% giá trị di sản tương ứng với số tiền 8.555.136.448 đồng (Tám tỷ năm trăm năm mươi lăm triệu một trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm bốn tám đồng).

Bà Phạm Thị Thanh N được nhận 16,47% giá trị di sản tương ứng với số tiền 8.555.136.448 đồng (Tám tỷ năm trăm năm mươi lăm triệu một trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm bốn tám đồng).

Bà Phạm Thị Thanh H3 được nhận 16,47% giá trị di sản tương ứng với số tiền 8.555.136.448 đồng (Tám tỷ năm trăm năm mươi lăm triệu một trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm bốn tám đồng).

Ông Phạm Văn K1 được nhận 3,456% giá trị di sản tương ứng với số tiền 1.795.176.172 đồng (Một tỷ bảy trăm chín mươi lăm triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi hai đồng).

Bà Phạm Vân A được nhận 3,456% giá trị di sản tương ứng với số tiền 1.795.176.172 đồng (Một tỷ bảy trăm chín mươi lăm triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi hai đồng).

Bà Phạm Vân H được nhận 3,456% giá trị di sản tương ứng với số tiền 1.795.176.172 đồng (Một tỷ bảy trăm chín mươi lăm triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi hai đồng).

Bà Phạm Vân M được nhận 3,456% giá trị di sản tương ứng với số tiền 1.795.176.172 đồng (Một tỷ bảy trăm chín mươi lăm triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi hai đồng).

Bà Phạm Vân Á được nhận 3,456% giá trị di sản tương ứng với số tiền 1.795.176.172 đồng (Một tỷ bảy trăm chín mươi lăm triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi hai đồng).

Bà Phạm Vân M1 được nhận 3,456% giá trị di sản tương ứng với số tiền 1.795.176.172 đồng (Một tỷ bảy trăm chín mươi lăm triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi hai đồng).

Bà Phạm Vân Anh T2 được nhận 3,456% giá trị di sản tương ứng với số tiền 1.795.176.172 đồng (Một tỷ bảy trăm chín mươi lăm triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi hai đồng).

Ông Phạm Văn D được nhận 3,456% giá trị di sản tương ứng với số tiền 1.795.176.172 đồng (Một tỷ bảy trăm chín mươi lăm triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi hai đồng).

Bà Phạm Vân Bạch C được nhận 3,456% giá trị di sản tương ứng với số tiền 1.795.176.172 đồng (Một tỷ bảy trăm chín mươi lăm triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi hai đồng).

Bà Phan Thị Minh N1, ông Phạm Duy H2, ông Phạm Duy T3 được nhận $6,7 + 1,152 + 10 = 17,852\%$ giá trị di sản tương ứng với số tiền 9.272.999.142 đồng (Chín tỷ hai trăm bảy mươi hai triệu chín trăm chín mươi chín nghìn một trăm bốn mươi hai đồng).

1.2. Giao cho bà Phan Thị Minh N1, ông Phạm Duy H2, ông Phạm Duy T3 được nhận và quản lý nhà đất tại địa chỉ số C đường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Bà Phan Thị Minh N1, ông Phạm Duy H2, ông Phạm Duy T3 có trách nhiệm thanh toán cho các thừa kế khác số tiền nói trên và được sở hữu nhà và sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Trường hợp bà Phan Thị Minh N1, ông Phạm Duy H2, ông Phạm Duy T3 không thanh toán thì các đương sự có quyền yêu cầu Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa bán nhà đất số C đường

T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa và chia theo tỷ lệ: Ông Nguyễn Phú C1 được nhận 16,47%; Bà Phạm Thị Thanh N được nhận 16,47%; Bà Phạm Thị Thanh H3 được nhận 16,47%; Ông Phạm Văn K1 được nhận 3,456% ; Bà Phạm Văn A được nhận 3,456%; Bà Phạm Văn H được nhận 3,456%; bà Phạm Văn M được nhận 3,456%; Bà Phạm Văn Á được nhận 3,456%; Bà Phạm Văn M1 được nhận 3,456%; Bà Phạm Văn Anh T2 được nhận 3,456%; Ông Phạm Văn D được nhận 3,456%; Bà Phạm Văn Bạch C được nhận 3,456%; Bà Phan Thị Minh N1, ông Phạm Duy H2, ông Phạm Duy T3 được nhận 17,852%.

Giao cho Bà Phan Thị Minh N1, ông Phạm Duy H2, ông Phạm Duy T3 tạm thời quản lý phần tài sản của ông Nguyễn Phú C1 được chia và giao lại cho ông C1 khi có yêu cầu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/8/2023 các ông, bà Phan Thị Minh N1, Phạm Duy H2, Phạm Duy T3 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đề nghị chia theo di chúc năm 1994 và xin được nhận phần di sản mà bà T5 được hưởng. Ngày 02/8/2023, bà Phạm Văn Anh T2 có đơn kháng cáo đề nghị chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn H1 cho bố mẹ bà là ông Phạm Văn T1, bà Võ Bạch C2 theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Duy T3 (cũng là đại diện theo uỷ quyền của bà Phan Thị Minh N1, ông Phạm Duy H2), bà Phạm Văn Anh T2 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị Minh N1, ông Phạm Duy T3, ông Phạm Duy H2 và bà Phạm Văn Anh T2; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa theo hướng ông H1 được nhận phần di sản của bà T5 và phần di sản của ông H1 được chia theo pháp luật cho cha mẹ ông H1 là ông T1, bà C2 và vợ con ông H1; sau đó chia di sản của ông T1 và bà C2 cho các đồng thừa kế theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của các ông, bà Phan Thị Minh N1, Phạm Duy H2, Phạm Duy T3, bà Phạm Văn Anh T2 trong thời hạn, đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Năm 1994, vợ chồng cụ N2, cụ L lập di chúc định đoạt nhà, đất tại C T, thành phố N cho các con, cụ thể:

- Phần phía bắc gồm nhà và công trình phụ xây cất trên nửa lô đất (9m x 27m) cho 03 con trai: Phạm Văn T1, Phạm Văn T6, Phạm Văn T7;

- Phần phía nam gồm nhà và công trình phụ xây cất trên nửa lô đất (9m x 30m) cho 03 người con gái là Phạm Thị Thanh T5, Phạm Thị Thanh H3, Phạm Thị Thanh N và 01 người cháu nội là Phạm Văn H1 (con của ông Phạm Văn T1). Ông Phạm Văn H1 có bốn phận phải nuôi dưỡng, săn sóc, chạy chữa thuốc men đầy đủ cho cô là Phạm Thị Nam H4 bị bệnh hoạn, không có chồng con. Lúc cô còn sống và khi cô lâm chung thì Phạm Văn H1 lo tổng tánn, ma chay, thờ phụng, giỗ chạp, không được lơ là mà mang tội với cô.

Sau khi cụ N2 chết, ngày 23/5/1995 cụ L làm lại bản di chúc (có công chứng) sửa lại bản di chúc 1994 định đoạt lại nhà, đất tại C T, N, cụ thể bà định đoạt phần nhà, đất phía nam cho 04 con gái là Phạm Thị Thanh T5, Phạm Thị Thanh H3, Phạm Thị Thanh N và Phạm Thị Nam H4. Nếu Phạm Thị Nam H4 chết thì phần tài sản của bà H4 thuộc về bà T5, bà H3, bà N.

Như vậy, nhà đất tại C T, N là tài sản chung của vợ chồng cụ N2, cụ L nên di chúc năm 1994 do vợ chồng cụ L, cụ N2 lập là hợp pháp. Di sản là tài sản chung của vợ chồng cụ N2 và cụ L vì vậy cụ L có quyền định đoạt phần tài sản riêng của mình trong khối tài sản chung.

Sau khi hai cụ lập di chúc chung năm 1994 thì đến năm 1995 cụ L đã thay đổi di chúc, chia lại di sản định đoạt phần nhà, đất phía nam cho 04 người con gái, đây là ý chí của cụ L và phù hợp với các quy định của pháp luật nên nội dung di chúc này có giá trị và hợp pháp đối với phần tài sản mà cụ L được sở hữu trong khối tài sản chung của hai cụ. Tại phiên toà sơ thẩm, ông T3 đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của bà N1, ông H2 cũng nhất chí chia theo di chúc năm 1995 của cụ L, do đó Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà N, giải quyết chia di sản thừa kế của cụ N2, cụ L đối với nhà, đất tại C T, phường P, thành phố N theo di chúc 1994 do cụ N2, cụ L lập và di chúc 1995 do cụ L lập là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

Cụ N2 chết năm 1994, đến tháng 01 năm 2000 cụ L chết, do đó bà Phạm Thị Thanh T5 là con của hai cụ, theo di chúc và theo quy định của pháp luật thì bà T5 là người được hưởng thừa kế và có quyền định đoạt đối với phần di sản được hưởng. Ngày 05/7/2000, bà T5 làm giấy nhường quyền thừa kế nhà, đất tại C T, P, N mà bà được hưởng thừa kế từ bố mẹ cho ông Phạm Văn H1 (con trai của ông T1). Tại thời điểm này thì ông H1 đang còn sống nên ông H1 được nhận phần di sản này từ bà T5 nhường cho. Giấy nhường quyền thừa kế trên không phải là di chúc của bà T5 nên Toà án cấp sơ thẩm nhận định không cho ông H1 được hưởng phần tài sản do bà T5 nhường cho là không đúng. Vì vậy khi ông H1 chết cần xác định đây là phần di sản của ông H1 được hưởng để lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại thời điểm ông Phạm Văn H1 chết và không có di chúc thì bố mẹ ông H1 là ông Phạm Văn T1 bà Võ Bạch C2 còn sống, do đó theo quy định của pháp luật về thừa kế thì tại thời điểm mở thừa kế của ông H1 thì bố, mẹ ông H1 là những người được xem xét hưởng một phần phần di sản mà ông H1 để lại. Nay bà Phạm Văn Anh T2 (con của ông T1, bà C2) đề nghị xác định bố mẹ bà được hưởng phần di sản của ông H1 để lại, từ đó xem xét chia phần di sản này cho

những người được hưởng thừa kế của ông T1 bà C2 là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Việc chia di sản thừa kế của cụ N2, cụ L đối với nhà, đất tại C T, phường P, thành phố N như sau:

[3.1] Giá trị di sản thừa kế: Tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự thống nhất theo Biên bản định giá ngày 29/5/2019 và không yêu cầu định giá lại. Đồng thời các đương sự thống nhất không tranh chấp giá trị các công trình xây dựng có trên đất nên Hội đồng xét xử xác định giá trị quyền sử dụng đất là di sản thừa kế để chia như sau:

Theo “Trích đo địa chính thửa đất” do Công ty TNHH Đ bản đồ và DVTM Chiến Thắng thực hiện việc đo vẽ vào ngày 26/4/2019 thể hiện thửa đất 172, thửa 11 (356 599-6-(3)) tại C T, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa có diện tích thực tế là $532,3m^2$ (trong đó có $5,3m^2$ DTGT) nhưng theo di chúc 1994, cụ N2 và cụ L xác định diện tích đất là $517,5m^2$, diện tích tăng thêm là $14,8m^2$ là do trước đây đo đạc không chính xác, chứ không phải do gia đình ông H1 khai phá thêm vì thửa đất 172 có tứ cận: Đông bắc tiếp giáp đường T và các hướng còn lại đều tiếp giáp với các thửa đất khác.

Theo Biên bản định giá ngày 29/5/2019, Hội đồng định giá xác định đơn giá đất là $98.565.000$ đồng/ m^2 , giá trị thửa đất được tính theo diện tích $527m^2$ (trừ $5,3m^2$ QHGT) là $51.943.755.000$ đồng.

[3.2] Cụ ông Phạm N2 chết ngày 07/11/1994 và cụ bà Đồng Thị L chết ngày 10/01/2000 có 08 con chung gồm các ông, bà: Phạm Văn T1 (chết ngày 08/7/2019), Phạm Thị Ba T8 (chết 1999), Phạm Văn T6 (chết tháng 01/2018, không có vợ con), Phạm Thị Nam H4 (chết tháng 8/2013, không có chồng con), Phạm Văn T7 (chết 1997, không có vợ con), Phạm Thị Thanh T5 (chết tháng 10/2013), Phạm Thị Thanh H3, Phạm Thị Thanh N.

Ông Phạm Văn T1, chết ngày 08/7/2019 có vợ là bà Võ Bạch C2, chết ngày 25/02/2020 và 10 con chung gồm các ông, bà: Phạm Văn K1, Phạm Văn H1, Phạm Văn A, Phạm Văn H, Phạm Văn M, Phạm Văn Á, Phạm Văn M1, Phạm Văn Anh T2, Phạm Văn D, Phạm Văn Bạch C, ngoài ra còn bà Phạm Văn T9 nhưng chết lúc nhỏ.

Bà Phạm Thị Thanh T5 chết tháng 10/2013 có chồng tên Nguyễn Phú C1 hiện sống tại Pháp nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Hai vợ chồng bà T5 không có con.

Như vậy, sau khi cụ L chết năm 2000, di chúc năm 1994 do cụ N2, cụ L lập có hiệu lực pháp luật.

[3.3] Theo di chúc 1994:

[3.3.1] Cụ N2 và cụ L định đoạt phần nhà và công trình phụ xây cất trên nửa thửa đất ($9m \times 27m$) tại 30 T, P, N (Phía bắc; có sơ đồ phác họa kèm theo di chúc) cho 03 con trai: Phạm Văn T1, Phạm Văn T6, Phạm Văn T7 được sở hữu nên mỗi người được $1/3$ giá trị tài sản là:

Ông Phạm Văn T1 nhận: $(9 \times 27) : 3 = 81m^2$

Ông Phạm Văn T6 nhận: $(9 \times 27) : 3 = 81\text{m}^2$

Ông Phạm Văn T7 nhận: $(9 \times 27) : 3 = 81\text{m}^2$

[3.3.2] Tuy nhiên, ông T7 chết tháng 02/1997 không có vợ con và chết trước cụ L nên ông T7 không được hưởng thừa kế đối với di sản của cụ L để lại, đồng thời cụ L được nhận kỷ phần thừa kế mà ông T7 được hưởng đối với di sản của cụ N2. Do đó, toàn bộ 1/3 giá trị tài sản mà cụ N2, cụ L định đoạt cho ông T7 theo di chúc 1994 nay là di sản thừa kế của cụ L để lại, không có di chúc và được chia theo pháp luật, cụ thể phần tài sản này được chia là 06 phần cho 06 người con gồm: Ông T1, ông T6, bà T5, bà H3, bà N, bà H4; mỗi người là $81\text{m}^2 : 6 = 13,5\text{m}^2$.

[3.3.3] Bà H4 chết, không chồng con nên phần bà H4 được hưởng thừa kế di sản của cụ L đối với 1/3 giá trị tài sản mà cụ N2, cụ L định đoạt cho ông T7 theo di chúc 1994 được chia làm 05 phần cho 05 anh, chị em của bà gồm: ông T1, ông T6, bà T5, bà H3, bà N, cụ thể mỗi người nhận thêm: $13,5\text{m}^2 : 5 = 2,7\text{m}^2$.

Ngày 09/9/2002, ông T6 đã làm giấy nhường quyền thừa kế nhà, đất tại C T, P, N cho ông T1; do đó, ông T1 được nhận 02 kỷ phần thừa kế của cụ N2, cụ L + 02 kỷ phần thừa kế của cụ L đối với 1/3 giá trị tài sản mà cụ N2, cụ L định đoạt cho ông T7 + 02 kỷ phần thừa kế của bà H4 được hưởng thừa kế di sản của cụ L đối với 1/3 giá trị tài sản mà cụ N2, cụ L định đoạt cho ông T7 theo di chúc 1994 là $(81 + 13,5 + 2,7) \times 2 = 194,4\text{m}^2$.

[3.3.4] Bà H3, bà N mỗi người nhận 01 kỷ phần thừa kế của cụ L đối với 1/3 giá trị tài sản mà cụ N2, cụ L định đoạt cho ông T7 (tương đương với 1/9 giá trị tài sản) + 01 kỷ phần thừa kế của bà H4 được hưởng thừa kế di sản của cụ L đối với 1/3 giá trị tài sản mà cụ N2, cụ L định đoạt cho ông T7 theo di chúc 1994. Cụ thể: Phạm Thị Thanh H3 là $16,2\text{m}^2$; Phạm Thị Thanh N là $16,2\text{m}^2$.

[3.4]. Phần định đoạt lại của 02 di chúc:

Theo di chúc năm 1994, cụ N2 và cụ L định đoạt phần nhà và công trình phụ xây cất trên nửa thửa đất ($9\text{m} \times 30\text{m}$) tại 30 T, P, N (Phía nam; có sơ đồ phác họa kèm theo di chúc) cho 03 người con gái gồm các bà Phạm Thị Thanh T5, Phạm Thị Thanh H3, Phạm Thị Thanh N và cháu nội Phạm Văn H1 được sở hữu nên mỗi người được 1/4 giá trị tài sản: $9 \times 30 : 4 = 67,5\text{m}^2$

Theo Di chúc năm 1995: Do cụ L lập thay đổi một phần di chúc 1994, phần tài sản của cụ N2, cụ L để lại cho cháu nội Phạm Văn H1, nay cụ L định đoạt để lại cho bà Phạm Thị Nam H4, bà H4 chết thì phần tài sản của bà H4 thuộc về bà T5, bà N, bà H3. Do đó, phần tài sản này chia cho 04 người con gái là các bà Phạm Thị Thanh T5, Phạm Thị Thanh H3, Phạm Thị Thanh N, Phạm Thị Nam H4. Bà H4 chết 2013, phần di sản của bà thuộc về các bà Phạm Thị Thanh T5, Phạm Thị Thanh H3, Phạm Thị Thanh N.

Do 02 di chúc đều có hiệu lực và chỉ phân định lại người được chia di sản với diện tích (9×30) tại C T, P, N (Phía Nam; có sơ đồ phác họa kèm theo di chúc) nên việc phân chia di sản cho các thừa kế theo di chúc của cụ N2, cụ L sẽ

được tính theo $\frac{1}{2}$ quyền định đoạt đối với diện tích đất trên và phân chia đều cho các người thừa kế, cụ thể như sau: Các bà Phạm Thị Thanh T5, Phạm Thị Thanh N, Phạm Thị Thanh H3, ông Phạm Văn H1 được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị di sản được nhận đối với phần di chúc năm 1994 do cụ N2, cụ L lập. Các bà Phạm Thị Thanh T5, Phạm Thị Thanh H3, Phạm Thị Thanh N, Phạm Thị Nam H4 được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị di sản tương ứng được nhận theo di chúc năm 1995 của cụ L. Bà H4 chết 2013, theo di chúc của cụ L thì phần di sản của bà thuộc về các bà Phạm Thị Thanh T5, Phạm Thị Thanh H3, Phạm Thị Thanh N. Như vậy đối với phần đất phía nam theo cả hai di chúc thì các bà Phạm Thị Thanh T5, Phạm Thị Thanh H3, Phạm Thị Thanh N mỗi người được hưởng $78,75m^2$, ông Phạm Văn H1: $33,75m^2$.

Đối với phần diện tích tăng thêm $14m^2$ cụ N2, cụ L chưa phân chia trong di chúc nên sẽ được chia đều cho các đồng thừa kế của hai cụ. Do đó các ông bà Phạm Văn T1, Phạm Thị Thanh T5, Phạm Thị Thanh H3, Phạm Thị Thanh N sẽ được nhận thêm $3,5m^2$.

Như vậy sau khi phân chia các thừa kế nhận được các phần như sau:

Ông Phạm Văn T1: $(194,4 + 3,5) = 197,9m^2$, tương ứng với số tiền 19.506.013.500 đồng; bà Phạm Thị Thanh T5: $(78,75 + 3,5 + 16,2) = 98,45m^2$, tương ứng với số tiền 9.703.724.250 đồng; bà Phạm Thị Thanh N: $(78,75 + 3,5 + 16,2) = 98,45m^2$, tương ứng với số tiền 9.703.724.250 đồng; bà Phạm Thị Thanh H3: $(78,75 + 3,5 + 16,2) = 98,45m^2$, tương ứng với số tiền 9.703.724.250 đồng; ông Phạm Văn H1: $33,75m^2$, tương ứng với số tiền 3.326.568.750 đồng. Do bà T5 nhường phần di sản được nhận cho ông H1 nên phần ông H1 được hưởng tương ứng với số tiền 13.030.293.000 đồng.

[3.5] Sau khi cụ N2, cụ L chết ngày 10/01/2000, ông H1 là người trực tiếp quản lý, sử dụng nhà đất này và chăm sóc nuôi dưỡng bà Phạm Thị Nam H4 cho đến khi ông H1 chết năm 2012. Sau đó là vợ con ông H1 là bà Phan Thị Minh N1, ông Phạm Duy H2, ông Phạm Duy T3 quản lý, sử dụng, giữ gìn nhà đất này và tiếp tục nuôi dưỡng bà Phạm Thị Nam H4. Do đó, cần phải tính cho bà N1, ông H2, ông T3 công sức giữ gìn, quản lý tài sản từ sau ngày 10/01/2000 cho đến nay trước khi chia di sản thừa kế của cụ N2, cụ L đối với nhà đất tại C T, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, bằng 10% giá trị di sản là 5.194.375.500 đồng để đảm bảo quyền lợi cho đương sự. Vì vậy tài sản sau khi thực hiện di chúc và tính công sức thì các bên được chia: Ông Phạm Văn T1: 17.555.412.150 đồng; bà Phạm Thị Thanh N: 8.733.351.825 đồng; bà Phạm Thị Thanh H3: 8.733.351.825 đồng; ông Phạm Văn H1: 11.727.263.700 đồng; các ông, bà Phan Thị Minh N1, Phạm Duy H2, Phạm Duy T3: 5.194.375.500 đồng.

[3.6] Phân chia di sản theo pháp luật:

Ông Phạm Văn H1 chết ngày 07/12/2012, khi đó bố mẹ ông H1 là ông Phạm Văn T1 và bà Võ Bạch C2 đang còn sống, ông H1 có vợ là Phan Thị Minh N1 và 02 con là Phạm Duy H2, Phạm Duy T3, do đó phần di sản của ông H1 được chia đều cho những người này nên các ông bà Phạm Văn T1, Võ Bạch C2, Phan Thị Minh N1, Phạm Duy H2, Phạm Duy T3 mỗi người được nhận 2.345.452.740 đồng.

Ông Phạm Văn T1 chết ngày 08/7/2019 và bà Võ Bạch C2 (vợ ông T1) chết ngày 25/02/2020 nên trong vụ án này những người thừa kế theo pháp luật của ông T1, bà C2 gồm các ông, bà: Phạm Văn K1, Phạm Văn H1, Phạm Văn A, Phạm Văn H, Phạm Văn M, Phạm Văn Á, Phạm Văn M1, Phạm Văn Anh T10, Phạm Văn D, Phạm Văn Bạch C mỗi người nhận giá trị bằng $\frac{1}{10}$ tài sản

ông T1, bà C được nhận từ việc phân chia di sản trên tương đương số tiền $(17.555.412.150 + 2.345.452.740 \times 2) : 10 = 2.224.631.763$ đồng.

Do đó, tổng giá trị di sản các ông, bà Phan Thị Minh N1, Phạm Duy H2, Phạm Duy T3 được nhận là $2.345.452.740 \times 3 + 2.224.631.763 + 5.194.375.500 = 14.455.365.483$ đồng.

[3.7] Giá trị di sản mà các ông bà được nhận sau khi chia thừa kế như sau:

Bà Phạm Thị Thanh N được nhận giá trị di sản tương ứng với số tiền 8.733.351.825 đồng; bà Phạm Thị Thanh H3 được nhận giá trị di sản tương ứng với số tiền 8.733.351.825 đồng; các ông, bà Phạm Văn K1, Phạm Văn A, Phạm Văn H, Phạm Văn M2, Phạm Văn Á, Phạm Văn M1, Phạm Văn Anh T2, Phạm Văn D, Phạm Văn Bạch C mỗi người được nhận giá trị di sản tương ứng với số tiền 2.224.631.763 đồng; các ông bà Phan Thị Minh N1, Phạm Duy H2, Phạm Duy T3 được nhận chung giá trị di sản tương ứng với số tiền 14.455.365.483 đồng.

Từ những phân tích, nhận định ở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Văn Anh T2, một phần kháng cáo của các ông, bà Phan Thị Minh N1, Phạm Duy H2, Phạm Duy T3, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Sửa phần án phí dân sự sơ thẩm. Các ông, bà Phạm Thị Thanh N, Phạm Thị Thanh H3, Phạm Văn K1, Phạm Văn A, Phạm Văn H, Phạm Văn M2, Phạm Văn Á, Phạm Văn M1, Phạm Văn Anh T2, Phạm Văn D, Phạm Văn Bạch C, Phan Thị Minh N1, Phạm Duy H2, Phạm Duy T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với trị giá di sản được hưởng theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Phú C1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Văn Anh T2, một phần kháng cáo của các ông, bà Phan Thị Minh N1, Phạm Duy H2, Phạm Duy T3, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Tuyên xử:

1.1 Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh N về chia thừa kế theo di chúc của cụ Phạm N2 và cụ Đồng Thị L đối với nhà đất tại số C T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

1.2. Bà Phạm Thị Thanh N được nhận giá trị di sản tương ứng với số tiền 8.733.351.825 đồng; bà Phạm Thị Thanh H3 được nhận giá trị di sản tương ứng với số tiền 8.733.351.825 đồng; các ông, bà Phạm Văn K1, Phạm Văn A, Phạm Văn H, Phạm Văn M2, Phạm Văn Á, Phạm Văn M1, Phạm Văn Anh T2, Phạm Văn D, Phạm Văn Bạch C mỗi người được nhận giá trị di sản tương ứng với số tiền 2.224.631.763 đồng; các ông, bà Phan Thị Minh N1, Phạm Duy H2, Phạm Duy T3 được nhận chung giá trị di sản tương ứng với số tiền 14.455.365.483 đồng.

1.3. Giao cho bà Phan Thị Minh N1, ông Phạm Duy H2, ông Phạm Duy T3 được nhận và quản lý nhà đất tại địa chỉ số C đường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Bà Phan Thị Minh N1, ông Phạm Duy H2, ông Phạm Duy T3 có trách nhiệm thanh toán cho các thừa kế khác số tiền nói trên và được sở hữu nhà và sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thanh N phải chịu 116.733.352 đồng; bà Phạm Thị Thanh H3 phải chịu 116.733.352 đồng; các ông, bà Phạm Văn K1, Phạm Văn A, Phạm Văn H, Phạm Văn M2, Phạm Văn Á, Phạm Văn M1, Phạm Văn Anh T2, Phạm Văn D, Phạm Văn Bạch C mỗi người phải chịu 76.492.635 đồng; các ông, bà Phan Thị Minh N1, Phạm Duy H2, Phạm Duy T3 cùng phải chịu 122.455.366 đồng. Ông Nguyễn Phú C1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị Minh N1, ông Phạm Duy H2, ông Phạm Duy T3, bà Phạm Văn Anh T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp tại các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010277 ngày 22/8/2023 và số 0010284 ngày 05/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án, tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều

9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hoà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Hợp